ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

**SỞ THONG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

**\*\*\*\*\***

**SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM**

Xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện và đánh giá về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hà tĩnh giai đoạn 2021-2025

Năm 2024

**HÀ TĨNH 2023**

**PHẦN I. MỞ ĐẦU**

1. Bối cảnh thực hiện đề tài

- Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang phát triển rất mạnh mẽ, một cuộc cách mạng công nghệ mới, đặc biệt khác với các cuộc cách mạng trước đây. Về tốc độ, tăng theo hàm lũy thừa; về phạm vi và chiều sâu, đây là cuộc cách mạng dựa trên nền tảng công nghệ số và kết hợp, hội tụ nhiều công nghệ, dẫn đến sự thay đổi chưa từng có tiền lệ trong mô hình phát triển kinh tế - xã hội.

- Trung ương và Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản định hướng và chỉ đạo ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong hệ thống Chính quyền các cấp cũng như trong hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể như: Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW; Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025; Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 định hướng đến năm 2030; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Hà Tĩnh với phương hướng phát triển nhanh, bền vững, phấn đấu đến năm 2030 trở thành tỉnh khá của cả nước, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra 8 nhóm nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm. Trong đó, nhóm nhiệm vụ, giải pháp thứ 3 là phải “ứng dụng thành tựu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh”; nhóm nhiệm vụ thứ 6 là “Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch, ổn định; ưu tiên thu hút đầu tư hạ tầng khu công nghệ thông tin gắn với hạ tầng số”.

2. Lý do chọn đề tài

- Từ trước đến năm 2021, Tỉnh ta chưa có Văn bản chị đạo mang tính định hướng xuyên suốt giai đoạn đối với hoạt động chuyển đổi số; thực tế chuyển đổi số là vấn đề mới, khó và cần xác định rõ các quan điểm, các nhóm mục tiêu và các nhóm nhiệm vụ giải pháp cho từng giai đoạn và định hướng tương lai.

- Đứng trước bố cảnh, yêu cầu thực tế của ngành và của tỉnh, Giám đốc Sở TT&TT đã giao chúng tôi nghiên cứu và đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện cũng như công tác đánh giá kết quả hàng năm đối với hoạt động chuyển đổi số (tại Văn bản số 25/01/2021). Trên cơ sở đó nhóm đã nghiên cứu và tham mưu Nghị quyết số 05 và Đề án 424 về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025.

3. Phạm vi triển khai thực hiện: Toàn tỉnh

4. Mục đích nghiên cứu: Nhằm nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện cũng như công tác đánh giá kết quả hàng năm đối với hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; góp phần thúc đẩy quá trình hiện đại hoá nền hành chính và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tỉnh.

5. Điểm mới trong kết quả nghiên cứu

- Lần đầu tiên có 01 Nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh và Đề án của UBND tỉnh về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Đã đề xuất đồng bộ hệ thống các nhóm mục tiêu, chỉ tiêu và các nhóm nhiệm vụ, giải pháp cụ thể về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

- Đã ban hành được Đề án của UBND tỉnh để cụ thể hoá hơn nữa mục tiêu, danh mục nhiệm vụ và giải pháp gắn với các ngành, địa phương hàng năm và giai đoạn.

- Đã định hướng rõ về kết quả dự kiến đạt được của tỉnh về chuyển đổi số ở cuối giai đoạn 2021-2025.

**PHẦNII. NỘI DUNG CỦA SÁNG KIẾN**

**I. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ**

**1. Cơ sở lý luận**

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang phát triển rất mạnh mẽ, một cuộc cách mạng công nghệ mới, đặc biệt khác với các cuộc cách mạng trước đây. Về tốc độ, tăng theo hàm lũy thừa; về phạm vi và chiều sâu, đây là cuộc cách mạng dựa trên nền tảng công nghệ số và kết hợp, hội tụ nhiều công nghệ, dẫn đến sự thay đổi chưa từng có tiền lệ trong mô hình phát triển kinh tế - xã hội; về tác động hệ thống, bao gồm sự chuyển đổi của toàn bộ hệ thống, khắp các quốc gia, các doanh nghiệp, các ngành công nghiệp và toàn xã hội. Cũng như các cuộc cách mạng khác, phải chấp nhận sự “đập bỏ, hy sinh” những cái cũ, lạc hậu để có cái mới, cái nền tảng, phù hợp quy luật phát triển và tiến hóa. Kinh nghiệm của những lần chuyển đổi công nghệ trước đây đã cho thấy, những nước đi đầu trong ứng dụng và phát triển công nghệ mới sẽ luôn là những nước thịnh vượng, phát triển nhất.

Do cuộc cách mạng này dựa trên nền tảng công nghệ số, nên để thực hiện thành công, không để “nhỡ chuyến tàu 4.0”, các nước phải thực hiện chuyển đổi số ở tất cả các lĩnh vực; điều hành, quản lý dựa trên dữ liệu số; nền kinh tế thế giới chuyển sang nền kinh tế số, trở thành một trong những đặc trưng cơ bản của thời đại. Đô thị thông minh trở thành xu hướng của hầu hết các thành phố trên thế giới. Kinh tế số sẽ làm thay đổi mô hình sản xuất kinh doanh, đời sống văn hóa xã hội và cả phương thức quản lý Nhà nước.

Theo dự báo, trong 10 năm tới thế giới tiếp tục chứng kiến những chuyển đổi lớn, đó là xu hướng chuyển đổi số với sự chuyển dịch từ thế giới thực sang thế giới số (thế giới ảo); toàn bộ hoạt động kinh tế - xã hội sẽ chuyển sang môi trường số (kinh tế số, xã hội số và cuộc sống số). Dữ liệu trở thành nguồn tài nguyên, nguồn lực lớn của mỗi quốc gia. Nguồn lực này có tính đặc thù là càng nhiều người dùng càng hiệu quả, càng trở nên giá trị; tài nguyên số không bao giờ cạn kiệt mà tăng liên tục theo mức độ sử dụng. Xu thế kết nối toàn cầu không chỉ có kết nối truyền thống người với người mà có sự phát triển mạnh mẽ của kết nối người với vật và kết nối vật với vật. Sự phát triển nhanh mạnh của cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ tiếp tục đòi hỏi những năng lực mới về hạ tầng, nhân lực và đặc biệt là về thể chế, chính sách. Nói cách khác, cách mạng công nghiệp lần thứ tư không chỉ là cuộc cách mạng về công nghệ mà còn được biết đến như cuộc cách mạng về chính sách, thể chế.

Trước thực tiễn, xu hướng phát triển của thế giới, cùng với mong muốn đưa kinh tế Việt Nam phát triển ngang tầm các nước phát triển, Bộ Chính trị và Chính phủ đã ban hành các chính sách, chiến lược mạnh mẽ, tích cực trong tiếp cận, nắm bắt thời cơ và thâm nhập sâu vào giai đoạn mới của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cụ thể tại các văn bản: Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW; Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025; Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 định hướng đến năm 2030; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Theo báo cáo "Nền kinh tế số Đông Nam Á năm 2019" do Google, Temasek và Bain thực hiện, nền kinh tế số Việt Nam năm 2019 trị giá 12 tỷ USD, cao gấp 4 lần so với giá trị của năm 2015 và dự đoán chạm mốc 43 tỷ USD vào năm 2025. Nhờ có nền kinh tế số mà các ngành nghề kinh doanh sôi động hẳn lên, từ thương mại điện tử, quảng cáo trực tuyến trên các trang mạng xã hội (Facebook, Instagram), giải trí (Netflix, Pinterest), giao thông vận tải (Uber, Grab, GoViet) đến phân phối, bán buôn và bán lẻ (Lazada, Shopee)... Cụ thể, quy mô thị trường thương mại điện tử khoảng 5 tỷ USD, trong khi du lịch trực tuyến khoảng 4 tỷ USD, truyền thông trực tuyến đạt 3 tỷ USD, gọi xe công nghệ khoảng 1 tỷ USD. Việt Nam cũng trở thành nơi đón nhận nguồn vốn đầu tư đứng thứ 3 trong khu vực vào các công ty hoạt động trên nền tảng công nghệ thông tin, internet; với 0,35 tỷ USD cho 137 thương vụ trong năm 2018 và 0,26 tỷ USD cho 54 thương vụ trong năm 2019. Một số thương vụ đầu tư vào MoMo, Sendo, Topica từ các nhà đầu tư quốc tế, góp phần đưa Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư cả trong và ngoài nước (nguồn: Báo Chính phủ).

Hà Tĩnh với phương hướng phát triển nhanh, bền vững, phấn đấu đến năm 2030 trở thành tỉnh khá của cả nước, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra 8 nhóm nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm. Trong đó, nhóm nhiệm vụ, giải pháp thứ 3 là phải “ứng dụng thành tựu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh”; nhóm nhiệm vụ thứ 6 là “Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch, ổn định; ưu tiên thu hút đầu tư hạ tầng khu công nghệ thông tin gắn với hạ tầng số”.

Bên cạnh đó, Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021 - 2025” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2020, đã xác định các giải pháp trọng tâm, trong đó có: Đẩy mạnh phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông đồng bộ, hiện đại, kết nối với quốc gia bảo đảm điều kiện xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, đô thị thông minh và kinh tế số; Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, hoạt động của cơ quan nhà nước, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số để giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch và ổn định.

Để đạt được các mục tiêu đề ra, thực hiện thắng lợi Nghị quyết, Đề án, đón nhận các làn sóng đầu tư, phát huy trí tuệ người Hà Tĩnh trong phát triển kinh tế, cần chủ động hơn nữa trong tiếp cận, nắm bắt và ứng dụng vào thực tiễn những sản phẩm, thành quả của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Muốn vậy, cần thiết có quyết sách mạnh mẽ, thể hiện ý chí chính trị cao, đồng bộ của toàn tỉnh đối với lĩnh vực này, đó là ban hành Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển Chính quyền số, Đô thị thông minh và Kinh tế số trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030, nhằm thống nhất chủ trương, định hướng chiến lược, xác định rõ các mục tiêu và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm; tập trung nguồn lực, khơi dậy tiềm năng để đưa Hà Tĩnh phát triển nhanh, xanh, bền vững.

**2. Cơ sở pháp lý**

- Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;

- Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

- Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;

- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

- Nghị quyết số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

- Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021 - 2025”;

- Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 16/10/2020 Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 – 2025.

**II. THỰC TRẠNG**

**1. Về môi trường chính sách:**

Hà Tĩnh đã chủ động thực hiện lộ trình xây dựng Chính quyền điện tử từ năm 2011 với Đề án xây dựng chính phủ điện tử tại Hà Tĩnh giai đoạn 2011-2015, tầm nhìn 2020 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4123/QĐ-UBND ngày 23/12/2011.

Từ đó đến nay, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành một số chính sách, văn bản nhằm cụ thể hoá, thúc đẩy phát triển chính quyền điện tử trên địa bàn tỉnh, cụ thể như: Nghị quyết số 93/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh về việc quy định chế độ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp chuyên trách công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND 24/9/2016 của HĐND tỉnh về việc quy định một số chính sách đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nhằm cải thiện chỉ số tính minh bạch và tiếp cận thông tin, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2017-2020; Quyết định số 43/2009/QĐ-UBND ngày 17/12/2009 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý, sử dụng hệ thống thư điện tử trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định số 07/2011/QĐ-UBND ngày 25/5/2011 của UBND tỉnh về ban hành Quy định về tổ chức thực hiện ứng dụng CNTT trong hoạt động của các CQNN trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 09/8/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về tiêu chuẩn nghiệp vụ đối với cán bộ thực hiện nhiệm vụ chuyên trách về CNTT trong CQNN trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 05/9/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về việc thực hiện chế độ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp chuyên trách công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Bên cạnh đó, hàng năm UBND tỉnh còn ban hành nhiều văn bản chỉ đạo điều hành về ứng dụng CNTT, xây dựng Chính quyền điện tử như thành lập Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử, thành lập Ban Biên tập cổng thông tin điện tử tỉnh, thành lập Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh, ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm, ban hành bộ tiêu chí đánh giá Chính quyền điện tử, phê duyệt các dự án, hoạt động ứng dụng CNTT,…

1. **Về cơ sở hạ tầng:**

* Cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông mới đáp ứng ở mức cơ bản về mạng lưới truyền dẫn, Internet, hệ thống mạng nội bộ (LAN) của cơ quan nhà nước. 100% cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã có mạng LAN, Internet. 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện, 98% cán bộ cấp xã được trang bị máy tính cá nhân.
* Trên địa bàn hiện có 11 tuyến cáp quang liên tỉnh, hàng ngàn tuyến cáp quang nội tỉnh với tổng chiều dài hơn 21.000 km kéo đến tận trung tâm xã và hầu hết các thôn (hiện còn 26 thôn tại 7 huyện chưa có cáp quang: Vũ Quang, Can Lộc, Hương Khê, Hương Sơn, Đức Thọ, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh).
* Đối với mạng thông tin di động, Hà Tĩnh hiện có trên 3.100 trạm thu phát sóng di động 2G, 3G, 4G, trong đó, vùng phủ sóng 2G/3G: đạt 98,99%, vùng phủ sóng 4G: đạt 95% địa bàn dân cư.
* Toàn tỉnh có 1.212.847 thuê bao điện thoại di động (đạt mật độ xấp xỉ 94 thuê bao/100 dân), 6.460 thuê bao điện thoại cố định và 142.928 thuê bao Internet băng rộng cố định. Có khoảng 754.157 thuê bao di động sử dụng smartphone có sử dụng data (đạt 58,4% người sử dụng).

1. **Nhân lực CNTT**

Nhân lực về CNTT cơ bản đáp ứng yêu cầu hiện tại, song chưa bảo đảm cho lộ trình chuyển đổi số sắp tới, cụ thể là: 100% cán bộ, công chức đã được đạo tạo về kỹ năng ứng dụng CNTT phục vụ chỉ đạo, điều hành, tác nghiệp và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Đội ngũ công chức, viên chức chuyên trách CNTT có 279 người (trong đó: 63 công chức cấp Sở, cấp huyện, 216 công chức cấp xã), có 12 thạc sỹ CNTT (4,3%), 52 đại học CNTT (18,6%), 194 cán bộ chuyên trách CNTT đủ tiêu chuẩn hưởng chế độ đặc thù. Ngoài ra còn có đội ngũ công chức, viên chức làm nhiệm vụ chuyên trách CNTT trong cơ quan Đảng, đoàn thể, các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn, trong lực lượng vũ trang và tại các ngành như Y tế, Giáo dục.

Hệ thống Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn tỉnh đã đưa môn Tin học vào giảng dạy chính khóa tại các cấp học, bậc học phổ thông. Chuyên ngành CNTT đã được đào tạo trình độ đại học, cao đẳng tại Trường Đại học Hà Tĩnh và Cao đẳng Kỹ thuật Việt Đức. Trên địa bàn tỉnh có 02 trung tâm có đủ năng lực đào tạo và sát hạch cấp Chứng chỉ về chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

1. **Ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước**

* Đến nay, công tác Chỉ đạo điều hành và tác nghiệp của cơ quan nhà nước cơ bản đã được thực hiện trên môi trường mạng từ cấp tỉnh đến cấp xã với 100% văn bản gửi nhận trực tuyến giữa các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện, 99% giữa cơ quan cấp xã với các cơ quan cấp tỉnh và huyện (trừ các văn bản mật) và kết nối trao đổi văn bản hành chính với Chính phủ và các bộ, ngành; 100% cơ quan cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4, ứng dụng chữ ký số, công khai minh bạch thường xuyên hoạt động trên cổng/ trang thông tin điện tử; hệ thống hội nghị trực tuyến triển khai đồng bộ đến cấp huyện, một số đơn vị ứng dụng phòng họp không giấy,... Cấp uỷ, chính quyền các cấp đã quan tâm việc ứng dụng CNTT, xây dựng Chính quyền điện tử nên đã thường xuyên ban hành chủ trương, chính sách và các văn bản chỉ đạo kịp thời.
* Cổng thông tin dịch vụ công của tỉnh đã cập nhật đầy đủ, kịp thời công khai 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 1, mức độ 2 của các thủ tục hành chính sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định công bố. Năm 2020, trên Cổng dịch vụ công của tỉnh phát sinh 22800 hồ sơ trực tuyến (cấp tỉnh 8144 hồ sơ, cấp huyện 9810 hồ sơ, cấp xã 4846 hồ sơ), đạt tỉ lệ 29,1% tăng hơn 9,1% so với năm 2019. Ngày 23/6/20/20, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1929/QĐ-UBND về việc ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 triển khai trên địa bàn tỉnh trong năm 2020 và giai đoạn 2021 – 2025.

Trên Cổng thông tin dịch vụ công của tỉnh hiện có 788 DVCTT mức độ 3 cấp tỉnh, 81-85 DVCTT mức độ 3 tại mỗi UBND cấp huyện, 41 DVCTT mức độ 3 của mỗi đơn vị cấp xã; 67 DVCTT mức 4 cấp tỉnh, 80-84 DVCTT mức độ 4 tại UBND cấp huyện (chi tiết như trong bảng sau).

Số lượng DVCTT mức độ 3, mức độ 4 cấp huyện

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên đơn vị** | **Số lượng DVC mức 3** | **Số lượng DVC mức 4** |
| 1 | [Thành phố Hà Tĩnh](https://dichvucong.hatinh.gov.vn/portaldvc/KenhTin/dich-vu-cong-truc-tuyen.aspx?_dv=A20D7340-1513-DC9A-A3D2-666DF2E1C037) | 85 | 84 |
| 2 | [UBND Huyện Hương Sơn](https://dichvucong.hatinh.gov.vn/portaldvc/KenhTin/dich-vu-cong-truc-tuyen.aspx?_dv=D858D362-411A-3383-4731-7A3A746606E2) | 82 | 80 |
| 3 | [UBND Huyện Nghi Xuân](https://dichvucong.hatinh.gov.vn/portaldvc/KenhTin/dich-vu-cong-truc-tuyen.aspx?_dv=6E7EC848-77BF-A1F4-D300-7F5CD85D4369) | 82 | 80 |
| 4 | [UBND Huyện Đức Thọ](https://dichvucong.hatinh.gov.vn/portaldvc/KenhTin/dich-vu-cong-truc-tuyen.aspx?_dv=3BFBEEC4-00B8-C657-8394-3829B89ADD9F) | 82 | 80 |
| 5 | [UBND Thị xã Hồng Lĩnh](https://dichvucong.hatinh.gov.vn/portaldvc/KenhTin/dich-vu-cong-truc-tuyen.aspx?_dv=1BE62A37-B2EF-B11D-7679-F44E68851E57) | 82 | 80 |
| 6 | [UBND Huyện Hương Khê](https://dichvucong.hatinh.gov.vn/portaldvc/KenhTin/dich-vu-cong-truc-tuyen.aspx?_dv=DC1C1D26-120F-4217-3DA7-C5F5AFD7D7A5) | 82 | 80 |
| 7 | [UBND Huyện Thạch Hà](https://dichvucong.hatinh.gov.vn/portaldvc/KenhTin/dich-vu-cong-truc-tuyen.aspx?_dv=68499E80-721A-0B90-6E76-984B4239A2C8) | 82 | 80 |
| 8 | [UBND Thị xã Kỳ Anh](https://dichvucong.hatinh.gov.vn/portaldvc/KenhTin/dich-vu-cong-truc-tuyen.aspx?_dv=BD4E2714-C848-527E-9A06-2C7C8A110E59) | 82 | 80 |
| 9 | [UBND Huyện Cẩm Xuyên](https://dichvucong.hatinh.gov.vn/portaldvc/KenhTin/dich-vu-cong-truc-tuyen.aspx?_dv=1BCE404C-6B1F-CB72-0F06-8F8468421087) | 82 | 80 |
| 10 | [UBND Huyện Kỳ Anh](https://dichvucong.hatinh.gov.vn/portaldvc/KenhTin/dich-vu-cong-truc-tuyen.aspx?_dv=FBE6D579-517A-1040-D547-5C8F0A256E1A) | 82 | 80 |
| 11 | [UBND Huyện Lộc Hà](https://dichvucong.hatinh.gov.vn/portaldvc/KenhTin/dich-vu-cong-truc-tuyen.aspx?_dv=B0EFC81A-BF0B-A6F9-37F1-864B68D5140F) | 82 | 80 |
| 12 | [UBND Huyện Can Lộc](https://dichvucong.hatinh.gov.vn/portaldvc/KenhTin/dich-vu-cong-truc-tuyen.aspx?_dv=69E36836-82BE-6186-8127-66CD2F395FFD) | 82 | 80 |
| 13 | UBND huyện Vũ Quang | 81 | 80 |

1. Giai đoạn từ năm 2011 đến nay, nhiều năm được Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá, xếp hạng thuộc nhóm 20/63 tỉnh thành phố trực thuộc trung ương về kết quả xây dựng chính quyền điện tử. Trong đó, môi trường chính sách và nhân lực luôn được đánh giá cao và xếp hạng thuộc nhóm 10/63 tỉnh thành phố của cả nước.

**III. NỘI DUNG SÁNG KIẾN**

**III.1. Xây dựng và tham mưu BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH ban hành Nghị Quyết Về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030**

1. Quan điểm

Chuyển đổi số là chìa khóa để tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, là bước đi tất yếu, tạo nền tảng hình thành môi trường số văn minh, hiện đại và hiệu quả trên mọi lĩnh vực. Đây là cơ hội giải quyết các điểm nghẽn, tạo sự đột phá trong hoạt động của các cấp ủy và tổ chức đảng, hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền và hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp. Quá trình chuyển đổi số phải gắn với bảo đảm an toàn thông tin mạng và quốc phòng - an ninh quốc gia, hướng tới xã hội số an toàn.

Chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt và toàn diện, là giải pháp mang tính đột phá, cần sự vào cuộc đồng bộ, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị và toàn dân. Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan Đảng, Chính quyền, Mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội các cấp chịu trách nhiệm chính về kết quả mọi hoạt động chuyển đổi số theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

Chuyển đổi số cần được triển khai liên tục, kiên trì, thực chất và hiệu quả, tránh lãng phí nguồn lực, làm phòng trào; đảm bảo tính kế thừa và đổi mới sáng tạo với những bước đi vững chắc, phù hợp thực tiễn của tỉnh trong từng thời kỳ, từng ngành, lĩnh vực, theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và các Nghị quyết, chủ trương, chiến lược của Trung ương.

2. Mục tiêu

Chuyển đổi số hướng đến thực hiện mục tiêu toàn diện theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, trọng tâm là phát triển hạ tầng số, cơ sở dữ liệu số, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, hướng đến xã hội số; gắn quá trình chuyển đổi số với cải cách hành chính nhằm nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng cung cấp dịch vụ công của chính quyền các cấp; duy trì Hà Tĩnh thuộc nhóm 20 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có chỉ số cao về Chính phủ số; góp phần bảo đảm quốc phòng - an ninh, chính trị ổn định, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

3. Các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm

a. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp và trách nhiệm của người đứng đầu đối với quá trình chuyển đổi số; bảo đảm môi trường chính sách về chuyển đổi số

b. Phát triển cơ sở hạ tầng số và dữ liệu số

c. Phát triển nhân lực chuyển đổi số

d. Chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội các cấp

e. Từng bước phát triển kinh tế số, xây dựng đô thị thông minh hướng đến xã hội số

f. Bảo đảm an toàn thông tin trên không gian mạng

g. Một số lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số

- Ưu tiên thực hiện chuyển đổi số đối với một số lĩnh vực trực tiếp phục vụ nhu cầu của người dân, lĩnh vực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, phát huy tiềm năng, nâng cao năng lực kiến tạo, năng lực cạnh tranh của tỉnh, cụ thể:

- Ưu tiên chuyển đổi số xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; hoạt động của cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội; đẩy nhanh số hóa hồ sơ quản lý đảng viên, cán bộ công chức, viên chức.

- Lĩnh vực tài nguyên và môi trường: Xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai, tài nguyên toàn tỉnh, hình thành dữ liệu bản đồ số dùng chung của tỉnh. Ứng dụng các nền tảng công nghệ số, các giải pháp kỹ thuật hiện đại trong quan trắc, giám sát, xử lý các vấn đề về môi trường.

- Lĩnh vực công nghiệp, năng lượng: Ứng dụng các nền tảng công nghệ số kết nối với doanh nghiệp, phục vụ quản lý hoạt động các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp; hỗ trợ chuyển đổi số và phát triển kinh tế số đối với các lĩnh vực, doanh nghiệp sản xuất công nghiệp có sản phẩm xuất khẩu, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp; thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sinh thái; số hóa dữ liệu quản lý về doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ số trong quản lý, kết nối chuỗi cung ứng sản phẩm. Đẩy mạnh chuyển đổi hoạt động giám sát, quản lý, vận hành và bảo đảm an toàn đối với các nhà máy điện, trạm biến áp, hệ thống lưới điện; hướng đến tối đa hóa, tự động hóa lưới điện và cung cấp dịch vụ cung ứng điện thông minh.

- Lĩnh vực thương mại: Phát triển thương mại điện tử, xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh có tính cạnh tranh và bền vững; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và cộng đồng tiêu dùng tiếp cận, khai thác ứng dụng các nền tảng thương mại điện tử, ngân hàng điện tử, thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt.

- Lĩnh vực giao thông vận tải và logistics: Ứng dụng các mô hình, giải pháp quản lý, giám sát giao thông thông minh; phát triển nền tảng kết nối giữa các chủ hàng, các nhà cung cấp dịch vụ vận tải và khách hàng để tối ưu trong vận chuyển hàng hóa.

- Lĩnh vực nông nghiệp: Ứng dụng các nền tảng công nghệ số trong quản lý và sản xuất nông nghiệp, hướng đến nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác; số hóa dữ liệu quản lý các lĩnh vực cây trồng, vật nuôi, thủy sản; ứng dụng các nền tảng công nghệ số trong truy xuất nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, hỗ trợ phòng chống thiên tai, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh...

- Lĩnh vực y tế: Phát triển nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa, hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số; ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Lĩnh vực giáo dục: Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng các nền tảng công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập hình thành các mô hình giáo dục thông minh; số hóa tài liệu, giáo trình; phát triển hệ thống đào tạo trực tuyến trong giáo dục nghề nghiệp.

- Lĩnh vực văn hóa và du lịch: Triển khai ứng dụng các nền tảng công nghệ số trong quản lý nghiệp vụ, quảng bá truyền thống văn hóa và con người Hà Tĩnh; đẩy mạnh số hóa các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, các địa danh lịch sử; cung cấp dịch vụ bảo tàng số, thư viện số, du lịch thông minh.

- Đô thị thông minh: Tập trung triển khai tại thành phố Hà Tĩnh và các thị xã.

h. Tổ chức thực hiện:

-. Các cấp ủy, chính quyền tổ chức quán triệt sâu rộng Nghị quyết này và các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân; xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện Nghị quyết phù hợp với đặc điểm, tình hình của ngành, địa phương, đơn vị.

-. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng các cơ chế, chính sách để tạo môi trường thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

-. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết, trong đó xác định rõ các đề án, dự án, bố trí ngân sách và phân công nhiệm vụ gắn với lộ trình thực hiện cụ thể.

-. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì xây dựng kế hoạch phổ biến, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội vận động đoàn viên, hội viên, nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia tiến trình chuyển đổi số của tỉnh.

- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm giúp Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện Nghị quyết; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

**III.2. Xây dựng và tham mưu UBND tỉnh ban hành Đề án về Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 nhằm tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết 05 của BCH Đảng bộ tỉnh.**

**1. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

**a. Phạm vi:** tổ chức thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025.

**b. Đối tượng áp dụng:** các sở, ban, ngành cấp tỉnh *(không bao gồm lực lượng vũ trang)*; UBND các cấp, Hiệp hội doanh nghiệp Hà Tĩnh, Liên minh Hợp tác xã Hà Tĩnh, người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

**2. MỤC TIÊU**

**a. Mục tiêu tổng quát**

Chuyển đổi số hướng đến thực hiện mục tiêu toàn diện theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, thực hiện thành công Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Trong đó, trọng tâm là phát triển chính quyền số, kinh tế số, hướng đến xã hội số; gắn quá trình chuyển đổi số với cải cách hành chính nhằm nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công của chính quyền các cấp; góp phần đưa Hà Tĩnh trở thành tỉnh có kinh tế phát triển, xã hội tiến bộ, quốc phòng - an ninh được đảm bảo, chính trị ổn định.

**b. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025**

***b.1. Về hạ tầng số:***

- 100% cán bộ, công chức toàn tỉnh được trang bị và sử dụng thành thạo máy tính, 100% cơ quan Đảng, chính quyền các cấp kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng; 100% cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh được triển khai trên nền tảng điện toán đám mây;

- Triển khai hệ thống hội nghị trực tuyến đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã và kết nối với hệ thống hội nghị trực tuyến quốc gia;

- Phủ sóng mạng di động 4G và mạng Internet cáp quang đến 100% địa bàn dân cư toàn tỉnh; phấn đấu triển khai mạng di động 5G đạt tối thiểu 50% địa bàn dân cư toàn tỉnh.

***b.2. Về chính quyền số:***

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng hoặc tự bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng số, bảo đảm ứng dụng hiệu quả các nền tảng số, khai thác dữ liệu số trong hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công của các ngành, các cấp; 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã có cán bộ phụ trách công nghệ thông tin đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn theo quy định;

- 100% xã, phường, thị trấn và trên 100% doanh nghiệp được đào tạo, tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho người dân để ứng dụng vào hoạt động sản xuất, giao dịch trực tuyến;

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; trên 50% hồ sơ thủ tục hành chính thuộc danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được tiếp nhận và thụ lý trực tuyến; 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều loại phương tiện khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;

- 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội được thực hiện trực tuyến và liên thông với hệ thống báo cáo quốc gia;

- 100% cơ sở dữ liệu quốc gia được kết nối, ứng dụng trên địa bàn tỉnh theo lộ trình Chính phủ; từng bước hình thành cơ sở dữ liệu mở của tỉnh kết nối liên thông trên 80% cơ sở dữ liệu của các sở, ngành để phục vụ quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, khai thác trọn đời;

- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý (trừ hoạt động kiểm tra hoặc thông tin tư liệu của hoạt động kiểm tra thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

- Nâng cao hiệu quả hoạt động Trung tâm Giám sát và Điều hành thông minh phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

***b.3. Về kinh tế số:***

- 100% các ban quản lý, các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp thực hiện chuyển đổi số; ứng dụng đồng bộ các nền tảng công nghệ số phục vụ công tác quản lý, xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm; thu hút, thúc đẩy và hỗ trợ trên 80% doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số trong điều hành, quản lý, sản xuất, kinh doanh trên sàn thương mại điện tử;

- 100% doanh nghiệp cung ứng dịch vụ logistics, xuất khẩu hàng hóa ứng dụng đồng bộ các nền tảng công nghệ số, phần mềm thông minh, tự động hóa toàn phần hoặc từng phần hoạt động logistics, hoạt động xuất khẩu;

- 100% hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ nông dân sản xuất sản phẩm theo tiêu chuẩn VietGap, Global G.A.P, OCOP,... có ứng dụng điện thoại thông minh, Internet băng rộng, sàn thương mại điện tử, tiến tới thanh toán hạn chế tối đa dùng tiền mặt;

- Trên 80% cơ sở kinh doanh bán lẻ trên địa bàn tỉnh ứng dụng các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt;

- Từng bước hình thành các doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp số và hợp tác xã số.

***b.4. Về đô thị thông minh:***

- Triển khai thí điểm và nhân rộng các dịch vụ số (y tế, giáo dục, giao thông, an ninh - trật tự, du lịch…) thuộc hệ thống dịch vụ đô thị thông minh đến các xã và các khu dân cư kiểu mẫu;

- Thí điểm mô hình, từng bước hoàn thiện hệ thống dịch vụ đô thị thông minh cơ bản và triển khai Trung tâm giám sát và điều hành đô thị thông minh (IOC) tại thành phố Hà Tĩnh, thị xã Kỳ Anh.

**c. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030**

***c.1.*** Hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu và dịch vụ số đồng bộ 3 cấp; hoạt động giao dịch giữa các cơ quan của chính quyền, giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp cơ bản được thực hiện trên các nền tảng công nghệ số; phủ sóng mạng di động 4G, 5G và mạng Internet cáp quang đến 100% địa bàn dân cư toàn tỉnh;

***c.2.*** Phát triển cơ sở dữ liệu mở của tỉnh kết nối liên thông 100% cơ sở dữ liệu của các sở ngành trên địa bàn tỉnh để phục vụ quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, khai thác trọn đời; 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 95% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 85% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

***c.3.*** 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; trên 70% hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận và thụ lý trực tuyến;

***c.4.*** 100% doanh nghiệp trong các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành, sản xuất và kinh doanh trên sàn thương mại điện tử; trên 80% doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuyển đổi số;

***c.5.*** Phát triển, nhân rộng các dịch vụ đô thị thông minh đến các trung tâm đô thị của tỉnh;

***c.6.*** 100% thiết bị các nhà máy điện, thiết bị trên lưới điện truyền tải được số hóa, thực hiện quản lý và vận hành dựa trên nền tảng công nghệ số;

***c.7.*** 100% các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh được chứng nhận VietGap, GlobalGap, OCOP; 100% sản phẩm VietGap, GlobalGap, OCOP có ứng dụng các nền tảng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh, quảng bá tiêu thụ sản phẩm, gắn với thương mại điện tử;

***c.8.*** Kinh tế số phổ biến và tham gia vào hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế trên địa bàn tỉnh; phần lớn các doanh nghiệp, hợp tác xã ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử trong sản xuất, kinh doanh.

**3. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

**a. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp và trách nhiệm của người đứng đầu đối với quá trình chuyển đổi số; tạo môi trường, cơ chế, chính sách thuận lợi để chuyển đổi số**

Đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức, tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chỉ đạo, điều hành của chính quyền về sự cấp thiết của nhiệm vụ chuyển đổi số gắn liền với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu đối với kết quả chuyển đổi số của các cấp, các ngành.

Thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc, giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách, chương trình quốc gia về chuyển đổi số; hàng năm xây dựng danh mục nhiệm vụ ưu tiên và tổ chức thực hiện hiệu quả việc chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực, địa phương; bố trí nguồn lực tài chính tương xứng, bảo đảm thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyển đổi số hàng năm của tỉnh.

Rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế chính sách và hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh thực hiện chuyển đổi số; chính sách hỗ trợ người dân vùng khó khăn tiếp cận với điện thoại thông minh, Internet và chính sách khởi nghiệp sáng tạo phát triển kinh tế số.

**b. Phát triển nhân lực và nâng cao nhận thức về chuyển đổi số**

***b.1.*** Thường xuyên xây dựng các phóng sự, chuyên đề, các tài liệu tuyên truyền sâu, rộng đến mọi người dân, người lao động thuộc mọi thành phần kinh tế về hiệu quả và kết quả của chuyển đổi số, nâng cao khả năng nhận biết và ứng phó với hành vi tiêu cực, gian lận trong thương mại điện tử, lừa đảo trên không gian mạng.

***b.2.*** Hằng năm, tổ chức các chương trình Hội thảo, các khóa tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ số cho đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Tập huấn nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT, kỹ năng chuyển đổi số cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

***b.3.*** Tổ chức các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về xu hướng, định hướng chiến lược mới về chuyển đổi số cho lãnh đạo các cấp, các ngành.

***b.4.*** Tổ chức các khóa tập huấn nâng cao năng lực quản lý nhà nước và chuyên môn về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ làm nhiệm vụ chuyên trách công nghệ thông tin và ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh.

***b.5.*** Rà soát, tổ chức tuyển dụng, bố trí đủ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin cho các sở, ngành, địa phương còn thiếu; rà soát, điều chỉnh và bổ sung các chính sách về thu hút nhân lực, chế độ đặc thù cho cán bộ chuyển trách công nghệ thông tin, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trong cơ quan Đảng, đoàn thể và chính quyền trong toàn tỉnh.

**c. Phát triển hạ tầng số và cơ sở dữ liệu số**

***c.1.*** Rà soát, triển khai mở rộng mạng viễn thông 4G và Internet cáp quang bảo đảm 100% khu dân cư có internet băng rộng; triển khai mạng viễn thông 5G.

***c.2.*** Rà soát, nâng cấp bổ sung cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của tất cả cơ quan Đảng, đoàn thể và chính quyền các cấp, bảo đảm 100% đảng viên, cán bộ, công chức có máy tính cá nhân, kết nối mạng LAN và Internet băng rộng.

***c.3.*** Triển khai kết nối đồng bộ mạng truyền số liệu chuyên dùng ba cấp (tỉnh, huyện, xã) và liên thông với mạng truyền số liệu quốc gia.

***c.4.*** Triển khai đồng bộ hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến từ cấp tỉnh đến cấp xã, liên thông hệ thống hội nghị truyền hình 4 cấp.

***c.5.*** Thuê dịch vụ điện toán đám mây quy mô cấp tỉnh để tổ chức triển khai và quản trị tập trung các hệ thống cơ sở dữ liệu của các ngành, các cấp, tạo điều kiện thuận lợi phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu mở và dịch vụ số của tỉnh.

***c.6.*** Triển khai nền tảng tích hợp dữ liệu và chia sẻ dùng chung cấp tỉnh (LGSP), từng bước kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia, các cơ sở dữ liệu của tỉnh phục vụ công tác quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

***c.7.*** Các sở, ban, ngành và UBND các cấp thực hiện số hóa tài liệu, hồ sơ, các quy trình nghiệp vụ; chứng thực hồ sơ điện tử, phát triển các hệ thống cơ sở dữ liệu số phục vụ quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; đồng thời kết nối liên thông với nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu dùng chung của tỉnh (LGSP).

***c.8.*** Thực hiện số hóa và chứng thực hiện tử đồng bộ hệ thống hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức trong toàn tỉnh, kết nối với các hệ thống thông tin có liên quan phục vụ công tác quản lý và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

***c.9.*** Xây dựng Cổng dữ liệu số cấp tỉnh (data.hatinh.gov.vn) trên cơ sở tích hợp các thành phần dữ liệu của các ngành, các địa phương và cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; kết nối với cổng cơ sở dữ liệu quốc gia, đồng thời phát triển cơ sở dữ liệu mở phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng của người dân, doanh nghiệp.

**d. Phát triển chính quyền số**

***d.1.*** Nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành của tỉnh bảo đảm phục vụ chỉ đạo điều hành trực tuyến của lãnh đạo tỉnh, đồng bộ giữa văn bản chỉ đạo với hồ sơ công việc thường xuyên trong toàn tỉnh và với hồ sơ dịch vụ công trực tuyến; nâng cấp Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đồng bộ 3 cấp trong tỉnh và liên thông với công dịch vụ công quốc gia; bảo đảm thuận lợi cho quá trình giám sát, thống kê, tạo lập hồ sơ điện tử của các cơ quan, đơn vị và kết nối liên thông với hệ thống lưu trữ hồ sơ lịch sử của tỉnh.

***d.2.*** Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện triển khai ứng dụng các nền tảng công nghệ số phục vụ hoạt động nghiệp vụ của ngành, cơ quan, địa phương bảo đảm liên thông đồng bộ toàn ngành, toàn tỉnh, toàn huyện, kết nối và chia sẻ dùng chung.

***d.3.*** Phát triển Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; số hóa hoạt động báo cáo, thống kê trong toàn tỉnh, phục vụ sự chỉ đạo, điều hành nhanh chóng, kịp thời, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu số đã được thống kê và phân tích.

***d.4.*** Triển khai Hệ thống Giám sát và Điều hành thông minh của tỉnh nhằm hỗ trợ hoạt động giám sát, tổng hợp, phân tích dữ liệu phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; hỗ trợ công tác giám sát hiện trường, chỉ đạo điều hành và tác nghiệp trong các trường hợp khẩn cấp về thiên tai, dịch bệnh, an ninh trật tự.

***d.5.*** Triển khai nền tảng phục vụ dạy và học trực tuyến; ứng dụng các nền tảng công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập hình thành các mô hình giáo dục thông minh trong hệ thống giáo dục của tỉnh; số hóa tài liệu, giáo trình, bài giảng nhằm phát triển hệ thống học liệu cung cấp trực tuyến phục vụ miễn phí cho giáo viên và học sinh trong toàn tỉnh; phát triển hệ thống đào tạo trực tuyến trong giáo dục nghề nghiệp.

***d.6.*** Triển khai hệ thống khám chữa bệnh từ xa, đưa chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh của tuyến Trung ương, tuyến tỉnh về các bệnh viện tuyến huyện, tuyến xã; đẩy mạnh ứng dụng đồng bộ các nền tảng công nghệ số phục vụ quản lý khám chữa bệnh tại tất cả các cơ sở y tế và cung cấp bệnh án điện tử tới toàn dân.

***d.7.*** Xây dựng cơ sở dữ liệu số về tài nguyên và môi trường của tỉnh, hình thành và chia sẻ dữ liệu bản đồ số dùng chung của tỉnh phục vụ hoạt động quản lý và cung cấp dịch vụ số của chính quyền các cấp; ứng dụng các nền tảng công nghệ số, các giải pháp kỹ thuật hiện đại trong quan trắc, giám sát, xử lý các vấn đề về tài nguyên và môi trường.

***d.8.*** Triển khai ứng dụng nền tảng du lịch thông minh, số hóa mọi hoạt động quản lý du lịch; nền tảng công nghệ số trong quản lý các di tích lịch sử, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, quản lý nghệ thuật biểu diễn, quản lý đào tạo huấn luyện thể thao thành tích cao, bảo tàng số, thư viện điện tử; cung cấp dịch vụ bảo tàng số, thư viện số.

***d.9.*** Triển khai ứng dụng các nền tảng công nghệ số phục vụ mọi hoạt động quản lý và cung cấp dịch vụ công của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; số hóa dữ liệu quản lý về doanh nghiệp và ứng dụng công nghệ số trong quản lý, kết nối chuỗi cung ứng sản phẩm.

***d.10.*** Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; triển khai nền tảng công nghệ số phục vụ công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực thuộc ngành như: công tác quản lý hồ chứa, công trình thủy lợi, nước sạch nông thôn, đê điều, phòng chống lụt bão; Phòng chống dịch bệnh, sâu bệnh trên cây trồng, vật nuôi; Giám sát, quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng; quản lý, giám sát khai thác và nuôi trồng thủy sản; ứng dụng các nền tảng công nghệ số phục vụ quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm minh bạch, chính xác, an toàn vệ sinh thực phẩm, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

***d.11.*** Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số quản lý ngành Giao thông và Vận tải; triển khai các giải pháp về giám sát và quản lý giao thông thông minh.

***d.12.*** Chuyển đổi số trong các hoạt động giám sát, quản lý, vận hành và bảo đảm an toàn đối với các nhà máy điện, trạm biến áp, hệ thống lưới điện, hồ chứa các công trình lưới điện; hướng đến tối đa hóa, tự động hóa lưới điện và cung cấp dịch vụ cung ứng điện thông minh.

***d.13.*** Phát triển thương mại điện tử, xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh có tính cạnh tranh và bền vững; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và cộng đồng tiêu dùng tiếp cận, khai thác ứng dụng các nền tảng thương mại điện tử, ngân hàng điện tử và thanh toán trực tuyến.

**e. Từng bước phát triển kinh tế số, xây dựng đô thị thông minh, hướng đến xã hội số**

***e.1.*** Thường xuyên tuyên truyền sâu rộng về định hướng chiến lược phát triển kinh tế số của quốc gia, của tỉnh; tuyên truyền các thành quả và mô hình chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã và kinh tế hộ gia đình trên địa bàn tỉnh.

***e.2.*** Xây dựng đề án đẩy mạnh chuyển đổi số hoạt động quản lý, xúc tiến đầu tư đối với các Khu Kinh tế, Khu Công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

***e.3.*** Xây dựng chương trình chuyển đổi số hoạt động xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số đối với các lĩnh vực, doanh nghiệp sản xuất công nghiệp có sản phẩm xuất khẩu, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp tại khu kinh tế, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

***e.4.*** Xây dựng Chương trình phát triển thương mại điện tử của tỉnh, hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa đẩy mạnh chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh.

***e.5.*** Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp logistics ứng dụng ứng dụng công nghệ số quản lý kho bãi và vận hành chuỗi hoạt động logistics.

***e.6.*** Xây dựng và hoàn thiện các chính sách hỗ trợ chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất và kinh doanh đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất, kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; xây dựng nền tảng dữ liệu số quản lý ngành nông nghiệp, ứng dụng các mô hình sản xuất nông nghiệp thông minh, phát triển mạng lưới logistics gắn với thương mại điện tử và chuỗi sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm VietGAP, Global GAP, OCOP của tỉnh. Hỗ trợ người dân vùng khó khăn và dân tộc Chứt (huyện Hương Khê) tiếp cận điện thoại thông minh, mạng Internet băng thông rộng để kịp thời nắm bắt thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, khai thác dịch vụ công trực tuyến và thương mại điện tử.

***e.7.*** Triển khai các hoạt động thúc đẩy chuyển giao công nghệ số, kích thích sáng tạo, khuyến khích khởi nghiệp sáng tạo phát triển công nghệ số, cung cấp các sản phẩm và dịch vụ số.

***e.8.*** Xây dựng chính sách hỗ trợ người dân vùng khó khăn và người dân tộc thiểu số tiếp cận điện thoại thông minh, mạng Internet băng thông rộng và kỹ năng số để kịp thời nắm bắt thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, khai thác dịch vụ công trực tuyến và thương mại điện tử.

***e.9.*** Triển khai thí điểm các dịch vụ thông minh về giáo dục, y tế, trật tự an toàn đô thị, giao thông, phản ánh hiện trường, giám sát môi trường, năng lượng, chiếu sáng đô thị, nước sinh hoạt, thoát nước, du lịch thông minh tại một số trung tâm đô thị như thành phố Hà Tĩnh, thị xã Kỳ Anh, thị xã Hồng Lĩnh…; từng bước nhân rộng đến các trung tâm đô thị, các khu dân cư, xã nông thôn mới kiểu mẫu.

***e.10.*** Xây dựng Đề án thí điểm mô hình đô thị thông minh tại thành phố Hà Tĩnh gắn với điều kiện và yêu cầu phát triển của thành phố; Đề án thí điểm mô hình đô thị thông minh tại thị xã Kỳ Anh gắn với điều kiện và yêu cầu phát triển của thị xã và Khu Kinh tế Vũng Áng.

**f. Bảo đảm an toàn thông tin mạng**

***f.1.*** Rà soát, kiện toàn các quy chế, quy trình về quản lý, bảo đảm an toàn thông tin mạng tại các cơ quan, đơn vị; tổ chức đánh giá và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng theo mô hình 4 lớp thống nhất toàn tỉnh.

***f.2.*** Tổ chức tập huấn, diễn tập nâng cao kỹ năng, trình độ chuyên môn về an ninh mạng, ứng phó và xử lý các nguy cơ, sự cố về an toàn thông tin mạng.

***f.3.*** Đầu tư bổ sung trang thiết bị chuyên dùng nâng cao năng lực Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh và cơ quan thường trực Đội ứng cứu; triển khai, phát triển Hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng cấp tỉnh (SOC).

***f.4.*** Triển khai hiệu quả kế hoạch đảm bảo an toàn thông tin mạng, xử lý sự cố hàng năm, kế hoạch thực hiện Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06//01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025”.

**g. Một số lĩnh vực ưu tiên**

Ưu tiên thực hiện chuyển đổi số đối với một số lĩnh vực trực tiếp phục vụ nhu cầu của người dân, lĩnh vực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, phát huy tiềm năng, nâng cao năng lực kiến tạo, năng lực cạnh tranh của tỉnh, cụ thể:

***g.1.*** Ưu tiên chuyển đổi số xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; hoạt động của cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội; đẩy nhanh số hóa hồ sơ quản lý đảng viên, cán bộ công chức, viên chức.

***g.2.*** Lĩnh vực tài nguyên và môi trường: xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai, tài nguyên toàn tỉnh, hình thành dữ liệu bản đồ số dùng chung của tỉnh. Ứng dụng các nền tảng công nghệ số, các giải pháp kỹ thuật hiện đại trong quan trắc, giám sát, xử lý các vấn đề về môi trường.

***g.3.*** Lĩnh vực công nghiệp, năng lượng: ứng dụng các nền tảng công nghệ số kết nối với doanh nghiệp, phục vụ quản lý hoạt động các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp; hỗ trợ chuyển đổi số và phát triển kinh tế số đối với các lĩnh vực, doanh nghiệp sản xuất công nghiệp có sản phẩm xuất khẩu, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp; thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sinh thái; số hóa dữ liệu quản lý về doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ số trong quản lý, kết nối chuỗi cung ứng sản phẩm. Đẩy mạnh chuyển đổi hoạt động giám sát, quản lý, vận hành và bảo đảm an toàn đối với các nhà máy điện, trạm biến áp, hệ thống lưới điện; hướng đến tối đa hóa, tự động hóa lưới điện và cung cấp dịch vụ cung ứng điện thông minh.

***g.4.*** Lĩnh vực thương mại: phát triển thương mại điện tử, xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh có tính cạnh tranh và bền vững; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người tiêu dùng tiếp cận, khai thác ứng dụng các nền tảng thương mại điện tử, ngân hàng điện tử, thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt.

***g.5.*** Lĩnh vực giao thông vận tải và logistics: ứng dụng các mô hình, giải pháp quản lý, giám sát giao thông thông minh; phát triển nền tảng kết nối giữa các chủ hàng, các nhà cung cấp dịch vụ vận tải và khách hàng để tối ưu trong vận chuyển hàng hóa.

***g.6.*** Lĩnh vực nông nghiệp: ứng dụng các nền tảng công nghệ số trong quản lý và sản xuất nông nghiệp, hướng đến nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác; số hóa dữ liệu quản lý các lĩnh vực cây trồng, vật nuôi, thủy sản; ứng dụng các nền tảng công nghệ số trong truy xuất nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, hỗ trợ phòng, chống thiên tai, bảo vệ rừng, phòng, chống cháy rừng, phòng, chống dịch bệnh…

***g.7.*** Lĩnh vực y tế: phát triển nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa, hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số; ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám, chữa bệnh. Thực hiện thực chất, hiệu quả việc xây dựng và ứng dụng hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân.

***g.8.*** Lĩnh vực giáo dục: phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng các nền tảng công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập, hình thành các mô hình giáo dục thông minh; số hóa tài liệu, giáo trình; phát triển hệ thống đào tạo trực tuyến trong giáo dục nghề nghiệp.

***g.9.*** Lĩnh vực văn hóa và du lịch: triển khai ứng dụng các nền tảng công nghệ số trong quản lý nghiệp vụ, khơi dậy, phát huy truyền thống văn hóa và con người Hà Tĩnh; đẩy mạnh số hóa các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, các địa danh lịch sử; cung cấp dịch vụ bảo tàng số, thư viện số, du lịch thông minh.

***g.10.*** Đô thị thông minh: tập trung triển khai tại thành phố Hà Tĩnh, thị xã Kỳ Anh.

***g.11.*** An ninh trật tự, an toàn giao thông: triển khai lắp đặt đồng bộ hệ thống camera an ninh, an toàn giao thông các địa bàn trọng điểm, tiến tới phủ rộng trên địa bàn toàn tỉnh.

# IV. CÁC BIỆN PHÁP ĐÃ TIẾN HÀNH

- Để triển khai nhiệm vụ, nhóm tác giả đã tổ chức khảo sát, học tập kinh nghiệm, tham khảo tại một số tỉnh như Thanh Hóa, Quảng Bình; làm việc với các tổ chức, doanh nghiệp liên quan trên địa bàn tỉnh. Tiến hành xây dựng dự thảo, lấy ý kiến trong tập thể lãnh đạo sở và các phòng chuyên môn.

- Nghiên cứu các chủ trương, cơ chế chính sách của trung ương và cam kết quốc tế; xây dựng dự thảo và gửi xin ý kiến góp ý của các sở, ngành, địa phương và doanh nghiệp liên quan. Sau khi tổng hợp, tiếp thu 21 ý kiến của các sở, ngành, địa phương, tiếp tục hoàn thiện Dự thảo lần 2 và tổ chức lấy ý kiến 19 đồng chỉ Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh lần 1 vào ngày 24/8/2021 và lần 2 vào ngày 07/3/2022 đối với đối với Dự thảo Tờ trình, Đề án, Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu gắn với phát triển dịch vụ logistics giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030.

- Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện nhóm tác giả đã thường xuyên cập nhật các chính sách của trung ương và địa phương, tình hình phát triển thực tế, số liệu về hoạt động xuất nhập khẩu và phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh và trong khu vực.

- Ngày 15/3/2022, Ban cán sự Đảng UBND tỉnh đã thống nhất tại Tờ trình số 43/TTr/BCS ngày 15/3/2022 về việc ban hành Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh xuất khẩu gắn với phát triển dịch vụ logistics giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

V. HIỆU QUẢ MANG LẠI, KHẢ NĂNG ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN

1. Hiệu quả

* Ban chấp hành Đảng Bộ tỉnh đã thông qua và ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 22/10/2021 về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;
* UBND tỉnh đã thông qua và phê duyệt Đề án “Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025” tại Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 18/02/2022.
* Trên cơ sở Nghị quyết 05 và Đề án 424 Sở thông tin và Truyền thông đã tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các sở ban ngành, UBND cấp huyên, cấp xã tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong cộng đồng dân cư toàn tỉnh và đặc biệt là nâng cao nhận thức, kỹ năng chuyển đổi số cho toàn bộ cán bộ công chức, viên chức và người lao động trong toàn tỉnh. Chỉ đạo các cơ quan đơn vị rà soát, đánh giá và đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số trong các ngành, địa phương và đặc biệt là đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp nói riêng và sản xuất kinh doanh nói chung trên toàn tỉnh dự trên các nhóm mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã được đề ra trong Nghị quyết 05 và Đề án 424.
* Một số kết quả cụ thể đã được ghi nhận:

+ Lan toả nhận thức và tinh thần chuyển đổi số phục vụ mọi nhu cầu của cuộc sống trong cộng đồng cũng như mọi cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh;

+ Phổ cập việc ứng dụng các nền tảng công nghệ số trong cộng đồng như: dịch vụ công trực tuyến, sàn thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, học trực tuyến, ….

+ Hầu hết tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, các hợp tác xã, doanh nghiệp và mọi tổ chức đoàn tỉnh, cơ quan hành chính nhà nước đều đã ứng dụng các nền tảng công nghệ số; 100% cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn tỉnh đều ứng dụng các nền tảng số dùng chung.

+ Năm 2022, kết quả chuyển đổi số được Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá tăng 22 bậc theo bộ tiêu chí đánh giá CĐS quốc gia.

1. Khă năng áp dụng và phát triển

* Nghị quyết 05 và Đề án 424 đã đề ra hệ thống các nhóm mục tiêu, giải pháp cụ thể, gắn với yêu cầu thực tiễn và xu hướng chuyển đổi số trong nước cũng như quốc tế, nên đã được các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai hiệu quả ngay từ bước đâu.
* Nghị quyết 05 đóng vai trò là kim chỉ nam cho Ban cán sự Đảng UBND tỉnh và UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn (Sở TTTT) và các sở ban ngành, UBND cấp huyện, cấp xã hoạch định lộ trình, mục tiêu và nhiệm vụ cần tổ chức thực hiện hoàng năm và giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030 để thực hiện chuyển đổi số một cách hiệu quả, thiết thực, tránh trùng lắp, lãng phí.
* Nghị quyết 05 và Đề án 424 là cơ sở để Sở Thông tin và Truyền thông làm căn cứ tham mưu chính sách về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Đến nay Sở đã tham mưu UBND tỉnh các phương án chỉ đạo triển khai CĐS trong các ngành, lĩnh vực; ban hành bộ tiêu chí đánh giá kết quả chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước; ban hành quy định thành lập Tổ chuyển đổi số cộng đồng đến cấp thôn, đồng thời ban hành chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ chuyển đổi số cộng đồng tại Nghị quyết 114 của HĐND tỉnh.

VI. Ý NGHĨA CỦA SÁNG KIẾN

* Nghị quyết 05-NQ/TU đã đề ra các quan điểm rõ ràng: Chuyển đổi số là chìa khóa để tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, là bước đi tất yếu, tạo nền tảng hình thành môi trường số văn minh, hiện đại và hiệu quả trên mọi lĩnh vực. Đây là cơ hội giải quyết các điểm nghẽn, tạo sự đột phá trong hoạt động của các cấp ủy và tổ chức đảng, hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền và hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp. Quá trình chuyển đổi số phải gắn với bảo đảm an toàn thông tin mạng và quốc phòng - an ninh quốc gia, hướng tới xã hội số an toàn. Chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt và toàn diện, là giải pháp mang tính đột phá, cần sự vào cuộc đồng bộ, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị và toàn dân. Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan Đảng, Chính quyền, Mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội các cấp chịu trách nhiệm chính về kết quả mọi hoạt động chuyển đổi số theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao. Chuyển đổi số cần được triển khai liên tục, kiên trì, thực chất và hiệu quả, tránh lãng phí nguồn lực, làm phòng trào; đảm bảo tính kế thừa và đổi mới sáng tạo với những bước đi vững chắc, phù hợp thực tiễn của tỉnh trong từng thời kỳ, từng ngành, lĩnh vực, theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và các Nghị quyết, chủ trương, chiến lược của Trung ương.

+ Đồng thời đề ra các nhiệm vụ giải pháp và đặc biệt là đã xác định 7 nhóm lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số trong giai đoạn 2021-2025, tạo định hướng cụ thể để ưu tiên chính sách phát triển, cụ thể là: Ưu tiên chuyển đổi số xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; hoạt động của cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội; đẩy nhanh số hóa hồ sơ quản lý đảng viên, cán bộ công chức, viên chức.

+ Lĩnh vực tài nguyên và môi trường: Xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai, tài nguyên toàn tỉnh, hình thành dữ liệu bản đồ số dùng chung của tỉnh. Ứng dụng các nền tảng công nghệ số, các giải pháp kỹ thuật hiện đại trong quan trắc, giám sát, xử lý các vấn đề về môi trường.

+ Lĩnh vực công nghiệp, năng lượng: Ứng dụng các nền tảng công nghệ số kết nối với doanh nghiệp, phục vụ quản lý hoạt động các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp; hỗ trợ chuyển đổi số và phát triển kinh tế số đối với các lĩnh vực, doanh nghiệp sản xuất công nghiệp có sản phẩm xuất khẩu, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp; thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sinh thái; số hóa dữ liệu quản lý về doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ số trong quản lý, kết nối chuỗi cung ứng sản phẩm. Đẩy mạnh chuyển đổi hoạt động giám sát, quản lý, vận hành và bảo đảm an toàn đối với các nhà máy điện, trạm biến áp, hệ thống lưới điện; hướng đến tối đa hóa, tự động hóa lưới điện và cung cấp dịch vụ cung ứng điện thông minh.

+ Lĩnh vực thương mại: Phát triển thương mại điện tử, xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh có tính cạnh tranh và bền vững; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và cộng đồng tiêu dùng tiếp cận, khai thác ứng dụng các nền tảng thương mại điện tử, ngân hàng điện tử, thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt.

+ Lĩnh vực giao thông vận tải và logistics: Ứng dụng các mô hình, giải pháp quản lý, giám sát giao thông thông minh; phát triển nền tảng kết nối giữa các chủ hàng, các nhà cung cấp dịch vụ vận tải và khách hàng để tối ưu trong vận chuyển hàng hóa.

+ Lĩnh vực nông nghiệp: Ứng dụng các nền tảng công nghệ số trong quản lý và sản xuất nông nghiệp, hướng đến nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác; số hóa dữ liệu quản lý các lĩnh vực cây trồng, vật nuôi, thủy sản; ứng dụng các nền tảng công nghệ số trong truy xuất nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, hỗ trợ phòng chống thiên tai, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh...

+ Lĩnh vực y tế: Phát triển nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa, hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số; ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

+ Lĩnh vực giáo dục: Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng các nền tảng công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập hình thành các mô hình giáo dục thông minh; số hóa tài liệu, giáo trình; phát triển hệ thống đào tạo trực tuyến trong giáo dục nghề nghiệp.

+ Lĩnh vực văn hóa và du lịch: Triển khai ứng dụng các nền tảng công nghệ số trong quản lý nghiệp vụ, quảng bá truyền thống văn hóa và con người Hà Tĩnh; đẩy mạnh số hóa các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, các địa danh lịch sử; cung cấp dịch vụ bảo tàng số, thư viện số, du lịch thông minh.

+ Đô thị thông minh: Tập trung triển khai tại thành phố Hà Tĩnh và các thị xã.

* Đề án 424 đã cụ thể hoá Nghị quyết 05 bằng các mục tiêu, danh mục các nhiêm vụ, giải pháp mà mỗi ngành, lĩnh vực và địa phương cần thực hiện hàng năm và dự kiến kết quả đạt được qua từng năm và giai đoạn.
* Khi bám sát Nghị quyết 05 và Đề án 424 để tổ chức thực hiện chuyển đổi số sẽ giúp nâng cao hiệu quả trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo cũng như tổ chức thực hiện chuyển đổi số và đánh giá kết quả đạt được trong từng cơ quan, tổ chức và trong toàn tỉnh; góp phần tích cực thúc đẩy nâng cao năng suất lao động, hiện đại hoá nền hành chính và phát triển kinh tế xã hội; Hệ thống hành chính nhà nước đồng bộ hoá hệ thống các cơ sở dữ liệu phát sinh hàng năm, ứng dụng đồng bộ các nền tảng số; có được sự đồng bộ về nhận thức, kỹ năng và năng lực tiếp, khai thác cận công nghệ số của cả khu vực công và khu vực tư, tạo điều kiện thuận lợi

**PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

**I. KẾT LUẬN**

Việc nghiên cứu và tổ chức thực hiện sáng kiến “Xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện và đánh giá về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hà tĩnh giai đoạn 2021-2025” là hết sức quan trọng và kịp thời, nhằm tổ chức thực hiện thành công các định hướng, chỉ đạo của Trung ương và Chính phủ về chuyển đổi số: Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW; Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025; Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 định hướng đến năm 2030; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Đồng thời góp phần tích cực thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 – 2025.

**II. KIẾN NGHỊ**

**1. Đối với UBND tỉnh**

Thường xuyên quan tâm và chỉ đạo cơ quan thường trực (Sở TTTT) và các sở ngành, địa phương bám sát Nghị quyết 05, Đề án 424 để tham mưu UBND tỉnh ban hành tham mưu HĐND tỉnh ban hành các chính sách thúc đẩy chuyển đổi số; UBND tỉnh kịp thời chỉ đạo công tác chuyển đổi số tại các ngành, địa phương, đặc biệt là chuyển đổi số trong CCHC và trong sản xuất kinh doanh.

**2. Đối với các Sở Ban Ngành**

Kịp thời tổ chức thực hiện hiệu quả công tác chuyển đổi số theo Kế hoạch hàng năm của tỉnh, thực hiện có hiệu quả các chính sách về chuyển đổi số của tỉnh.

Bám sát Nghị quyết 05, Đề án 424 để tổ chức nâng cao nhận thức, kỹ năng cho cán bộ, công chức, người lao động và ứng dụng hiệu quả các nền tảng số dùng chung, chú trọng phát triển cơ sở dữ liệu ngành.

**3. Đối với UBND cấp huyện**

- Bám sát Nghị quyết 05, Đề án 424 để tổ chức nâng cao nhận thức, kỹ năng cho cán bộ, công chức, người lao động và ứng dụng hiệu quả các nền tảng số dùng chung, chú trọng phát triển cơ sở dữ liệu của địa phương.

- Chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện có hiệu quả các chính sách chuyển đổi số, ứng dụng tốt các nền tảng số dùng chung của tỉnh, không ngừng nâng cao năng lực và hiện đại hoá nền hành chính cơ sở để phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn.

- Quan tâm, thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn và hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân tại địa phương ứng dụng công nghệ số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, giao dịch với chính quyền địa phương cũng như mội hoạt động của cộng đồng./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Hà Tĩnh, ngày 10/03/2024**  **NHÓM TÁC GIẢ**    **Lê Văn Dũng**  **Nguyễn Thị Thảo Phan Văn Giáp** |